

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bố trí tái định cư cho 36 hộ gia đình bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ các Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, số 1362/QĐ-UBND ngày 25/4/2023, số 1630/QĐ-UBND ngày 01/6/2023, số 2090/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB để thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D – Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và thị trường) để tính thu tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và thị trường) tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An để tính thu tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 791/TTr-STNMT ngày 06/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bố trí tái định cư cho 36 hộ gia đình bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

- Giao cho 36 hộ gia đình 37 lô đất tái định cư với tổng diện tích là 3.460,2m², trong đó:

+ 12 lô đất tái định cư (diện tích 1.489,6m²) tại các tuyến đường ĐS6 (Khu LK1) và ĐS2 (Khu LK3) thuộc Khu dân cư khu vực 7, 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

+ 25 lô đất tái định cư (diện tích 1.970,6m²) tại các tuyến đường Đ9, Đ12, Đ14, Đ1 (B-B) thuộc Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

- Tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là **26.636.650.000 đồng** (Hai mươi sáu tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO 36 HỘ DO GPMB
Dự án: Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới
Địa điểm: phường Nhơn Phú, Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất ở (đồng)	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
A	Các hộ có đất thu hồi ở địa bàn phường Nhơn Phú										2.767,2			21.221.150.000
A.1	Bố trí TĐC tại Khu dân cư Khu vực 7-8, phường Nhơn Phú										1.489,6			11.099.600.000
I	Giải tỏa trắng										1.155,6			8.391.600.000
1	Nguyễn Thị Ôi (chết), cháu Lê Văn Ngân (ĐD)	KV 6, P.Nhon Phú	865,4	865,4	200,0	665,4		2.046.198.000	Lô 22-23, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	214	5.500.000	12.000.000	1.268.000.000
2	Nguyễn Mai Anh, vợ Trương Thị Mỹ Lệ	KV 8, P.Nhon Phú	576,4	576,4	200,0	180,0	196,50	1.226.600.000	Lô 20-21, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	214	5.500.000	12.000.000	1.268.000.000
3	Hồ Văn Tính, vợ Nguyễn Thị Kim Lang	KV 8, P.Nhon Phú	1036,2	1036,2	200,00	781,80	54,40	2.436.385.200	Lô 16-17, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	214	5.500.000	12.000.000	1.268.000.000
4	Nguyễn Cảnh, vợ Dương Thị Thu Huyền	KV 1, P. Nguyễn Văn Cừ	181,5	181,5	40,0	133,6	7,90	476.632.000	Lô 10- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	767.200.000
5	Lê Thị Thứ (chết), con Lê Quang Liêm (ĐDKK)	KV 6, P.Nhon Phú	42,4	42,4	42,4			296.800.000	Lô 9- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	751.600.000
6	Nguyễn Thị Thanh Hoa	KV 6, P.Nhon Phú	40,0	40,0	40,0			160.000.000	Lô 6- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	767.200.000
7	Nguyễn Thị Thanh Huệ	KV 6, P.Nhon Phú	40,0	40,0	40,0			160.000.000	Lô 7- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	767.200.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất ở (đồng)	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
8	Nguyễn Thị Thanh Ngân	KV 6, P.Nhon Phú	40,0	40,0	40,0			160.000.000	Lô 8- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	767.200.000
9	Trương Thị Nghi	KV 8, P.Nhon Phú	40,0	40,0	40,00			160.000.000	Lô 11- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	85,6	5.500.000	12.000.000	767.200.000
II	Giải tỏa một phần										214,0			1.268.000.000
1	Lê Văn Thông, vợ Nguyễn Thị Mỹ Nhung	KV 8, P.Nhon Phú	573,0	494,2	200,0	125,0	169,2	1.096.250.000	Lô 18-19, Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	214,0	5.500.000	12.000.000	1.268.000.000
III	Không còn chỗ ở nào khác										120,0			1.440.000.000
1	Trần Nhật Nam và hộ ông Trần Huy Hạ	KV 6, P.Nhon Phú	323,0	323,0			323,00		Lô 7 - Khu LK3-đường ĐS2, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	60,0		12.000.000	720.000.000
2	Võ Thị Khá	KV 8, P.Nhon Phú	93,7	93,7			93,70		Lô 8 - Khu LK3-đường ĐS2, rộng 12m	Khu dân cư KV7-8, P.Nhon Phú	60,0		12.000.000	720.000.000
A.2	Bố trí TĐC tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình										1.277,6			10.121.550.000
I	Giải tỏa trắng (Mặt đường Hùng Vương)										1.020,0			7.982.550.000
1	Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm	KV 6, P.Nhon Phú	247,9	247,9	230,20	17,70		7.087.382.000	Lô 17- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	150,0	7.500.000		1.125.000.000
									Lô 17đ - Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000		562.500.000
2	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phượng	KV 6, P.Nhon Phú	85,2		85,2			2.982.000.000	Lô 13- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	687.000.000
3	Ngô Đình Hảo, vợ Võ Thị Thanh Thùy	KV 6, P.Nhon Phú	82,7		82,7			2.757.836.500	Lô 14- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	693.250.000
4	Lê Tấn Hùng, vợ Tô Thị Tín	KV 6, P.Nhon Phú	82,4	82,4	82,40			2.884.000.000	Lô 7- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	694.000.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất ở (đồng)	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
5	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	KV 6, P.Nhon Phú	78,0	78,0	78,00			2.730.000.000	Lô 30- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000		562.500.000
6	Trần Ngọc Dư	KV 6, P.Nhon Phú	77,3		77,3			2.705.500.000	Lô 32- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000		562.500.000
7	Diệp Bảo Hà, vợ Phạm Thị Bích Thủy	KV 6, P.Nhon Phú	70,3		70,3			2.460.500.000	Lô 31- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000	10.000.000	574.250.000
8	Trần Thị Cự, chồng Võ Kim Hưng	kv6, Nhon Phú	97,5	97,5	52,74	44,76		1.845.900.000	Lô 9- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	468.150.000
9	Võ Trần Gia Thi	KV 6, P.Nhon Phú	92,3	92,3	52,36	39,94		1.832.600.000	Lô 10- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	469.100.000
10	Đoàn Quang Hưng	KV 6, P.Nhon Phú	48,9	48,9	48,9			1.711.500.000	Lô 3- Khu N-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60	8.000.000	11.000.000	513.300.000
11	Đoàn Huyện	KV 6, P.Nhon Phú	44,4	44,4	44,40			1.554.000.000	Lô 2- Khu N-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60	8.000.000	11.000.000	526.800.000
12	Trần Ngọc Hiếu	KV 6, P.Nhon Phú	38,6	38,6	38,6			270.200.000	Lô 4- Khu N-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60	8.000.000	11.000.000	544.200.000
II	Giải tỏa một phần (Mặt đường Hùng Vương)										198			1.543.000.000
1	Đặng Nhon Hiệp, vợ Dương Thị Thanh Lựu	KV 6, P.Nhon Phú	142,7	69,6	125,0			4.375.000.000	Lô 19- Khu E-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	108,0	8.000.000		864.000.000
			112,6	55,4										
2	Đinh Văn Quyền, vợ Lê Thị Nữ	KV 6, P.Nhon Phú	127,7	88,4	88,4			3.094.000.000	Lô 15- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	679.000.000
III	Không còn chỗ ở nào khác										59,6			596.000.000
1	Nguyễn Thị Tám	KV 6, P.Nhon Phú	35,1	35,1			35,10		Lô 10- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	59,6		10.000.000	596.000.000
B	Các hộ có đất thu hồi ở địa bàn phường Nhon Bình										693,0			5.415.500.000
I	Giải tỏa trắng (Mặt tiền Hùng Vương, Đào Tấn)										600,0			4.714.750.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất ở (đồng)	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
1	Nguyễn Thị Kiều Thu	KV2, Nhơn Bình	156,1	156,1	150,00	6,10		5.100.000.000	Lô 18- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	150,0	7.500.000		1.125.000.000
2	Nguyễn Văn Thìn, vợ Huỳnh Thị Ngọc Nhơn	KV2, Nhơn Bình	92,6	92,6	92,60			3.241.000.000	Lô 16-Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000		675.000.000
3	Huỳnh Văn Thu	KV2, Nhơn Bình	53,5	53,5	53,50			1.819.000.000	Lô 11- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	466.250.000
4	Nguyễn Sĩ Hùng, vợ Lê Thị Trang	KV2, Nhơn Bình	52,1	52,1	52,10			1.771.400.000	Lô 12- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	469.750.000
5	Nguyễn Thị Bích Vân	KV2, Nhơn Bình	49,4	49,4	49,40			1.729.000.000	Lô 16- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	476.500.000
6	Nguyễn Thành Lư, vợ Phạm Thị Thu Trà	KV2, Nhơn Bình	49,4	49,4	49,40			1.729.000.000	Lô 15- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	476.500.000
7	Đinh Thị Lang	KV2, Nhơn Bình	35,5	35,5	35,50			1.242.500.000	Lô 13- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	511.250.000
8	Nguyễn Văn Định, vợ Trình Thị Vân	KV2, Nhơn Bình	34,2	34,2	34,20			1.197.000.000	Lô 14- Khu O-đường Đ12, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	514.500.000
II	Giải tỏa một phần (Đường rẽ nhánh)										93,0			700.750.000
1	Nguyễn Văn Phước, vợ Trần Thị Tuyết Hồng	KV2, Nhơn Bình	187,7	91,7	91,70			917.000.000	Lô 39- Khu N-đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	93,0	7.500.000	10.000.000	700.750.000
Tổng cộng: (A) + (B)											3.460,2			26.636.650.000